

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 31/03/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Cẩm La Hương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	1/1/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		772.081.668.730	836.482.056.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	145.109.485.450	530.223.506.719
1. Tiền	111		145.109.485.450	530.223.506.719
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		494.888.306.294	246.198.827.628
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	13.037.919.901	18.883.788.243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	115.062.674.950	79.325.578.138
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		290.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	368.497.711.443	149.989.461.247
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	9	22.001.756.197	20.723.581.408
1. Hàng tồn kho	141		22.001.756.197	20.723.581.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		110.082.120.789	39.336.140.650
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	109.620.780.252	38.862.781.126
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		460.840.537	449.027.859
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		500.000	24.331.665
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.088.485.414.975	2.073.157.575.018
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		98.180.267.759	98.544.247.390
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	98.180.267.759	98.544.247.390
II. Tài sản cố định	220		910.097.112.024	893.785.571.566
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	477.161.496.049	492.588.602.628
- Nguyên giá	222		615.721.148.167	606.414.082.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.559.652.118)	(113.825.479.922)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	432.935.615.975	401.196.968.938
- Nguyên giá	228		465.364.604.338	430.955.836.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.428.988.363)	(29.758.867.400)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	284.320.469.562	239.384.251.312
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		284.320.469.562	239.384.251.312
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	15.349.100.000	15.584.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(125.100.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.110.000.000	15.110.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		780.538.465.630	825.859.504.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	368.885.014.467	399.846.049.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Lợi thế thương mại	269	15	411.653.451.163	426.013.455.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.860.567.083.705	2.909.639.631.423

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	1/1/2020
			4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.088.199.822.835	1.974.071.216.654
I. Nợ ngắn hạn	310		1.823.210.295.130	1.690.932.332.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	167.424.164.009	96.913.654.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	404.499.230.631	504.083.533.089
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	74.481.603.302	62.736.639.454
4. Phải trả người lao động	314		68.382.303.438	106.343.494.592
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	119.409.388.295	70.674.922.726
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	438.391.789.789	321.281.361.036
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	51.824.070.947	130.988.195.092
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	498.797.744.719	397.910.531.476
II. Nợ dài hạn	330		264.989.527.705	283.138.884.534
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	25.093.684.841	41.585.182.983
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	239.895.842.864	238.090.136.398
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	3.463.565.153
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		772.367.260.870	935.568.414.769
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	772.367.260.870	935.568.414.769
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815.897.350.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		815.897.350.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		65.976.720.000	65.976.720.000
3. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(264.314.839.987)	(124.756.931.761)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(124.756.931.761)	108.059.398.977
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(139.557.908.226)	(232.816.330.738)
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		154.808.030.857	178.451.276.530
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.860.567.083.705	2.909.639.631.423



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Q1/2020	Q1/2019
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		242.452.591.947	286.026.679.696
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	242.452.591.947	286.026.679.696
4. Giá vốn hàng bán	11	25	243.740.196.678	171.187.784.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.287.604.731)	114.838.895.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	448.014.833	436.371.827
7. Chi phí tài chính	22	27	14.775.200.833	7.805.475.870
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.370.434.712	7.805.475.870
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28	106.350.981.471	60.496.913.124
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	47.383.965.907	34.932.820.704
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(169.349.738.109)	12.040.057.761
12. Thu nhập khác	31	30	547.018.090	2.342.366.673
13. Chi phí khác	32	31	1.472.370.659	3.279.808.358
14. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(925.352.569)	(937.441.685)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(170.275.090.678)	11.102.616.076
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	5.654.912.583
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(170.275.090.678)	5.447.703.493



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Q1/2020	Q1/2019
1	2	5	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(170.275.090.678)	11.102.616.076
2. Điều chỉnh cho các khoản			37.673.669.219
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.404.293.159	29.868.193.349
- Chi phí lãi vay	06	14.370.434.712	7.805.475.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(128.500.362.807)	48.776.285.295
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(251.276.353.505)	(252.004.880.432)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.278.174.789)	(1.741.476.856)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.121.239.927	141.364.951.663
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(39.784.945.130)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.604.946.789)	(8.734.523.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		52.661.536.161
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(39.309.641.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(407.323.543.093)	(66.187.748.966)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(88.417.151.867)	(75.702.290.914)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	234.900.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(88.182.251.867)	(75.702.290.914)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	242.903.681.730	136.488.088.662
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(132.511.908.039)	(104.922.813.721)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	110.391.773.691	31.565.274.941
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(385.114.021.269)	(110.324.764.939)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	530.223.506.719	479.116.207.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	145.109.485.450	368.791.442.103



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 10 ngày 31/10/2019 với vốn điều lệ của Công ty là 815.897.350.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	79,69%	79,69%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	95,49%	95,49%	Giáo dục mầm non
3	Công ty Cổ phần English Now Global	Tp. Hà Nội	80,00%	80,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
4	Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Tp. Hà Nội	51,00%	51,00%	Giáo dục tiểu học

Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	39,05%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;*
- c) *Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.*

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng kỳ.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phục vụ đầu tư vào các Dự án Apax Leaders và Dự án Leader in me được phân bổ như sau: Việc tập hợp chi phí của dự án Apax Leader được thực hiện theo các trung tâm hình thành trong tương lai, bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong kỳ khi các trung tâm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng; “Apax Online” bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong năm khi chính thức đưa vào giảng dạy tại các trung tâm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí ghi danh học sinh, chi phí khởi nghiệp ban đầu, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thiết lập cơ sở vật chất dự án Apax Leader là các khoản chi phí đầu tư của các trung tâm trong giai đoạn đầu tư không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chương trình Leader in me là các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình Leader in me, chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thi công nội thất của các trung tâm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 3 năm.

Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khoá học nhưng học sinh chưa hoàn thành khoá học, các khoá học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán. Các khoản tiền thu trước học phí của học sinh nhưng học sinh chưa được bắt đầu học được phân loại sang khoản mục người mua trả tiền trước.

Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cổ đông chi phối công ty mẹ sở hữu 66,66% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt (i)	131.015.334.341	107.271.050.386
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.753.884.603	395.046.136.827
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán (ii)	351.001.506	367.001.506
Tiền đang chuyển (iii)	6.989.265.000	27.539.318.000
Các khoản tương đương tiền (iv)	-	-
Cộng	145.109.485.450	530.223.506.719

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.037.919.901	18.883.788.243
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư An toàn Safeinvest	6.501.000.000	6.501.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu phụ huynh các học sinh	2.006.708.112	-
Các đối tượng khác	530.211.789	8.382.788.243
b) Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	115.062.674.950	79.325.578.138
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở	35.738.314.465	30.374.045.068
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN	51.873.459.384	29.122.680.410
Visang Education Inc	4.677.912.462	4.677.912.462
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.691.597.797	1.932.241.805
Các đối tượng khác	20.081.390.842	13.218.698.393
b) Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên	3.355.791.541	2.596.435.549
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	2.691.597.797	1.932.241.805
Công ty Cổ phần Soya Garden	550.538.884	550.538.884
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool	113.654.860	113.654.860

7. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2020		1/1/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	368.497.711.443	-	149.989.461.247	-
Ký cược, ký quỹ	343.883.252.349	-	114.353.654.120	-
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	18.200.000.000	-	40.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam	42.330.000.000	-	42.330.000.000	-
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	250.000.000.000	-	-	-
- Các khoản đặt cọc khác	3.353.252.349	-	1.223.654.120	-
	-	-	-	-
Tạm ứng	21.534.249.742	-	12.765.753.807	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Phải thu khác	3.080.209.352	-	22.870.053.320	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool - Cùng tập đoàn	1.067.426.820	-	1.084.762.820	-
- Công ty Cổ phần Studynet - Công ty liên kết gián tiếp	191.636.250	-	191.636.250	-
- Hợp tác chuyển nhượng bất động sản	-	-	20.260.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.821.146.282	-	1.333.654.250	-
b) Phải thu dài hạn khác	98.180.267.759	-	98.544.247.390	-
Ký cược, ký quỹ	98.180.267.759	-	98.544.247.390	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. NỢ XẤU

	31/03/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000
	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	2.751.518.045	-	19.942.977.561	-
Hàng hoá	19.250.238.152	-	780.603.847	-
Cộng	22.001.756.197	-	20.723.581.408	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	109.620.780.252	38.862.781.126
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	15.979.215.828	22.725.414.525
Chi phí bảo hiểm	112.106.247	164.852.786
Chi phí công cụ, dụng cụ	585.833.145	1.055.253.075
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	92.943.625.032	14.917.260.740
b) Dài hạn	368.885.014.467	399.846.049.476
		240.138.448.984
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader (i)	221.702.385.687	
Chương trình Leader in me (ii)	101.946.084.437	107.360.555.434
Chi phí mua bản quyền phần mềm	391.722.053	106.544.426
Chi phí thành lập doanh nghiệp	11.372.922.440	6.289.669.248
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.009.844.675	23.359.675.159
Chi phí thi công nội thất	2.026.990.559	3.199.141.837
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.435.064.616	19.392.014.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	582.178.232.954	12.673.234.455	7.248.081.035	4.314.534.106	606.414.082.550
Tăng trong kỳ	9.273.665.617	33.400.000	-	-	9.307.065.617
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	591.451.898.571	12.706.634.455	7.248.081.035	4.314.534.106	615.721.148.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	102.758.533.363	9.645.716.062	1.148.963.136	272.267.361	113.825.479.922
Khấu hao trong kỳ	23.962.385.963	287.216.585	180.702.384	303.867.264	24.734.172.196
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	126.720.919.326	9.932.932.647	1.329.665.520	576.134.625	138.559.652.118
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	479.419.699.591	3.027.518.393	6.099.117.899	4.042.266.745	492.588.602.628
Số dư cuối kỳ	464.730.979.245	2.773.701.808	5.918.415.515	3.738.399.481	477.161.496.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	323.236.414.905	105.258.067.656	2.461.353.777	430.955.836.338
Tăng trong năm	34.408.768.000	-	-	34.408.768.000
Phân loại lại	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	357.645.182.905	105.258.067.656	2.461.353.777	465.364.604.338
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Số dư đầu kỳ	-	27.808.826.040	1.950.041.360	29.758.867.400
Khấu hao trong năm	-	2.627.001.543	43.119.420	2.670.120.963
Số dư cuối kỳ	-	30.435.827.583	1.993.160.780	32.428.988.363
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	323.236.414.905	77.449.241.616	511.312.417	401.196.968.938
Số dư cuối kỳ	357.645.182.905	74.822.240.073	468.192.997	432.935.615.975

Ghi chú:

Quyền sử dụng đất của Công ty là các mảnh đất dự kiến phục vụ mục tiêu mở rộng mạng lưới. Cụ thể như sau:

- Đất Tứ Liên, Tây Hồ, tổ 15, cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;
- Thửa đất số 164, bản đồ số F48-115-24, xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội;
- Đất Pháp Vân, Hoàng Mai, Ô đất số 16, lô BT15, dự án khu ĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội;
- Đất Cự Khối, Long Biên, tổ 3, phường Cự Khối, quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Thửa đất tại nền H23, khu tái định cư 17,3 ha, phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Đất Nhật Tân, Tây Hồ tại đất Tổ 16, 17 Cụm 2 Phương Nhật Tân, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội
- Đất Lô số TT1, KĐT mới Mỹ Đình - Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Đất lô 30/H1, KĐT mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Đất Thửa đất số 27, tờ bản đồ 6G-I-27 Số 138 phố Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.
- Đất Tập thể viện Dược liệu, ngách 75 ngõ 35 phố Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
- Đất Thửa đất số 15, tờ bản đồ 35, phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên.
- Thửa đất tại lô B6-05A, Khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án Apax Leaders (i)	211.301.293.385	182.710.611.286
Dự án Leader in me (ii)	-	-
Phần mềm FSOFT (iii)	2.516.994.546	2.516.994.546
Dự án Apax Online (iv)	35.031.688.754	24.034.776.941
Dự án Chương trình giảng dạy Steame e Garten (v)	12.703.647.066	17.734.755.477
Dự án "Giáo trình đào tạo"	16.124.755.477	
Dự án khác	6.642.090.334	12.387.113.062
Cộng	284.320.469.562	239.384.251.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng của các Trung tâm đào tạo thuộc dự án Apex Leader tại Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.
- (ii) Chi phí thực hiện chương trình đào tạo mới của dự án Leader in me được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax ngày 15 tháng 06 năm 2018, chi phí triển khai chương trình này đã hoàn thành ngừng vốn hóa tại thời điểm ngày 20 tháng 08 năm 2019.
- (iii) Dự án Fsoft là dự án thiết lập phần mềm quản trị doanh nghiệp Microsoft Dynamic 365, Công ty thuê Công ty TNHH Phần Mềm FPT thiết kế, xây dựng phần mềm quản trị doanh nghiệp để sử dụng, thời gian thực hiện dự án đến năm 2020.
- (iv) Chi phí thực hiện chương trình đào tạo tiếng anh online được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 02/01/2019.
- (v) Chi phí phát triển bộ chương trình giảng dạy Steam e Garten nhằm phát triển các sản phẩm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con – Công ty cổ phần Phát triển giáo dục Igarten

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2020		1/1/2020					
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào công ty liên kết	1.960.000.000	-	-	-	1.960.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Studynet	1.960.000.000	-	-	-	1.960.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	239.100.000	-	239.100.000	-	599.100.000	(125.100.000)	474.000.000	-
Cổ phiếu niêm yết								
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	-	125.100.000	-	125.100.000	(125.100.000)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần May Nam Định	-	-	-	-	360.000.000	-	360.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-	114.000.000	-	114.000.000	-
b) Đầu tư vào trái phiếu	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-
Cộng	17.309.100.000	-	15.349.100.000	-	17.669.100.000	(125.100.000)	15.584.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2020	43.831
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	426.013.455.274	483.453.471.718
Tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(14.360.004.111)	(57.440.016.444)
Số lũy kế đã phân bổ tại ngày cuối kỳ	162.746.713.278	148.386.709.167
Tại ngày cuối kỳ	411.653.451.163	426.013.455.274

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2020		1/1/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	167.424.164.009	164.727.080.509	96.913.654.655	96.913.654.655
Chungdahm Learning, Inc	11.062.850.000	11.062.850.000	5.132.250.000	5.132.250.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	20.489.959	20.489.959	653.796.101	653.796.101
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng công trình TCT	3.282.907.706	3.282.907.706	9.050.676.638	9.050.676.638
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	5.200.684.632	5.200.684.632	5.200.684.632	5.200.684.632
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	868.611.600	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	443.723.700	-	-	-
Công ty TNHH KPMG	1.384.748.200	-	-	-
Ông Mạc Xuân Chiến	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400
Các đối tượng khác	136.357.230.812	136.357.230.812	68.073.329.884	68.073.329.884
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	11.951.951.559	11.951.951.559	13.300.841.101	13.300.841.101
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	11.062.850.000	11.062.850.000	5.132.250.000	5.132.250.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Cổ đông lớn	20.489.959	20.489.959	653.796.101	653.796.101
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	868.611.600	868.611.600	14.795.000	14.795.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác (i)	31/03/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	460.884.695	1.942.778.994	15.822.687		2.387.841.002
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.368.307.043	-	-		31.368.307.043
Thuế thu nhập cá nhân	29.750.135.961	25.024.531.563	16.137.652.800		38.637.014.724
Các loại thuế khác	1.157.311.755	1.571.619.405	641.390.627		2.087.540.533
Cộng	62.736.639.454	28.707.829.962	16.962.866.114	-	74.481.603.302

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	119.409.388.295	70.674.922.726
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	17.177.755.625	16.770.186.517
Trích trước chi phí ghi danh học sinh	86.812.863.573	23.286.250.000
Trích trước chi phí lương, thưởng	1.547.305.757	16.504.192.809
Trích trước chi phí nhượng quyền	-	6.975.000.000
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	10.523.074.106	2.754.509.144
Trích trước chi phí lãi vay	240.937.276	130.718.491
Trích trước chi phí khác	3.107.451.958	4.254.065.765

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	438.391.789.789	321.281.361.036
Tiền học phí thu trước	438.391.789.789	321.281.361.036
Thẻ học các khóa học tiếng anh online cho học sinh	-	-
b) Dài hạn	25.093.684.841	41.585.182.983
Tiền học phí thu trước	25.093.684.841	41.585.182.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	51.824.070.947	130.988.195.092
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	26.653.105.558	6.005.373.167
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	574.000.000	536.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.596.965.389	124.446.821.925
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	2.018.257.686	5.146.836.836
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	1.861.772.250	99.661.772.250
- Chungdahm Learning, Inc	5.877.107.550	5.877.107.550
- Công ty Cổ phần Nam Hải	1.400.000.000	700.000.000
- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)	589.041.135	589.041.135
- Ông Nguyễn Mạnh Phú	64.255.800	64.255.800
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	1.211.941.030	1.196.941.030
- Các đối tượng khác	11.574.589.938	11.210.867.324
b) Trong đó: phải trả khác là các bên liên quan	11.533.334.316	112.446.913.466
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	2.018.257.686	5.146.836.836
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	1.861.772.250	99.661.772.250
Chungdahm Learning, Inc	5.877.107.550	5.877.107.550
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	1.211.941.030	1.196.941.030
Ông Nguyễn Mạnh Phú	64.255.800	64.255.800
Công ty Cổ phần thiết bị giáo dục Eschool	500.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/03/2020		Trong kỳ		1/1/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	498.797.744.719	498.797.744.719	233.399.121.282	132.511.908.039	397.910.531.476	397.910.531.476
Công ty Cổ phần Studynet	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	11.340.980.668	11.340.980.668	6.000.000.000	6.000.000.000	11.340.980.668	11.340.980.668
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân	437.634.796.843	437.634.796.843	225.999.121.282	126.511.908.039	338.147.583.600	338.147.583.600
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	121.967.208	121.967.208	-	-	121.967.208	121.967.208
Ông Lê Đình Đạo	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Bà Trương Thị Tâm	24.500.000.000	24.500.000.000	-	-	24.500.000.000	24.500.000.000
Vũ Cẩm La Hương	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Đối tượng khác	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	239.895.842.864	239.895.842.864	9.504.560.448	7.698.853.982	238.090.136.398	238.090.136.398
Trái phiếu phát hành	103.309.513.688	103.309.513.688	54.512.077	-	103.255.001.611	103.255.001.611
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân	125.525.820.565	125.525.820.565	9.450.048.371	6.381.100.029	122.456.872.223	122.456.872.223
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	81.311.498	81.311.498	-	30.491.802	111.803.300	111.803.300
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	10.979.197.113	10.979.197.113	-	1.287.262.151	12.266.459.264	12.266.459.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*Danh sách các hợp đồng vay:

- (i) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến ngày 15/10/2018;
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8674692/HĐTD ngày 05/07/2019, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày 05/07/2019 đến ngày 05/07/2020. Hạn mức tín dụng 250.000.000.000 VND, lãi suất theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của bà Nguyễn Thị Thu Hương và ông Nguyễn Ngọc Thủy; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9930077/HĐTD ngày 30/9/2019 vay ngắn hạn với hạn mức 30 tỷ cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với thời hạn và lãi suất quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng (1) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở địa chỉ B6-05A, khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2019/9930077/HĐTC; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2019/9930077/HĐTC; (3) Cổ phiếu của Ông Nguyễn Mạnh Phú và Bà Nguyễn Thị Hương Liên tại Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 05/2019/993077/HĐCC; (4) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings do Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup sở hữu với số lượng 4.000.000 cổ phiếu với giá trị định giá 57,123 tỷ VND theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 04/2019/993077/HĐCC.
- (iv) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐVT/LDDAO-IGARTEN ngày 04/04/2019, số tiền cho vay là 1 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (v) Công ty có 02 hợp đồng vay với Nguyễn Thị Hải Yến, hợp đồng vay tiền số 090319/HĐVV/HAIYEN-IGARTEN ngày 06/03/2019 số tiền cho vay là 2 tỷ VND có thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp và hợp đồng vay số 05/2019/HĐVT/Haiyen-Igarten ngày 11/10/2019 số tiền vay là 2 tỷ VND có thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (vi) Hợp đồng vay tiền số 11.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 11/12/2019 và số 16.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 16/12/2019 với Bà Trương Thị Tâm. Tổng hạn mức vay lần lượt 9.500.000.000 VND và 15.000.000.000 VND, cho vay theo từng lần trong thời hạn 152 ngày kể từ ngày giải ngân với lãi suất 11%/năm, lãi vay thanh toán định kỳ 1 tháng/ lần, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (vii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến ngày 15/11/2017 là 7,9%/năm. Thời gian tiếp theo đến ngày 15/11/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô.
- (viii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017, thời hạn vay từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/09/2022. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất 10,4%/năm thay đổi 3 tháng/lần, mục đích bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup;
- (ix) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2019/8674692/HĐTD ngày 30 tháng 09 năm 2019, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Hạn mức tín dụng 149.500.000.000 VND, lãi suất từ thời điểm giải ngân đầu tiên đến 31/03/2020 là 9,5% điều chỉnh 6 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên các quý, mục đích thanh toán các chi phí thực hiện dự án "Đầu tư mới 45 trung tâm dạy tiếng anh theo tiêu chuẩn APAX" do công ty cổ phần Anh ngữ Apax làm chủ đầu tư. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án 45 trung tâm, thế chấp bổ sung quyền khai thác kinh doanh các trung tâm anh ngữ do BIDV tài trợ vốn, đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

chung bằng 10 triệu cổ phần IBC của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings hiện đang được cầm cố cho dự án 50 trung tâm 2017.

- (x) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/9930077/HĐTD ngày 30/9/2019 số tiền 47 tỷ thực hiện đầu tư mở mới 08 trường mầm non STEAME GARTEN với lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần với thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng (1) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở địa chỉ B6-05A, khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2019/9930077/HĐTC; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2019/9930077/HĐTC; (3) Cổ phiếu của Ông Nguyễn Mạnh Phú và Bà Nguyễn Thị Hương Liên sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 05/2019/9930077/HĐCC; (4) Cổ phiếu của IBC do Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup sở hữu với số lượng 4 triệu cổ phiếu với giá trị định giá 57,123 tỷ VND theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 04/2019/9930077/HĐCC.
- (xi) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mua bản quyền, giấy phép, chương trình học từ Công ty Chungdahm Learning Inc. Lãi suất: bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền.
- (xii) Khoản vay với Bà Vũ Cẩm La Hương theo Phụ lục hợp đồng vay tiền ngày 1/7/2019 gia hạn thời hạn vay đến hết ngày 25/10/2020 của các hợp đồng: Hợp đồng vay tiền số 03/2019/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 19/04/2019; Hợp đồng vay tiền số 04/2019/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 25/04/2019. Các hợp đồng vay có lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (xiii) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: Giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên. Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 VND để mua 18.878.584 cổ phiếu Công ty con – Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 VND.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 VND, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận, lỗ chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	688.800.000.000	90.074.070.000	160.746.889.661	295.973.101.649	1.235.594.061.310
Tăng vốn góp trong năm	127.097.350.000	(24.097.350.000)	-	1.950.000.000	104.950.000.000
Lãi trong năm	-	-	39.484.712.344	30.406.926.315	69.891.638.659
Phân phối lợi nhuận	-	-	(61.992.000.000)	(18.075.886.185)	(80.067.886.185)
Giảm khác	-	-	(262.996.533.766)	(131.802.865.249)	(394.799.399.015)
Số dư đầu năm	815.897.350.000	65.976.720.000	(124.756.931.761)	178.451.276.530	935.568.414.769
Giảm đổi do thay đổi tỷ lệ sở hữu (ii)	-	-	-	-	-
Tăng vốn góp trong năm (i)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	(139.557.908.226)	(23.643.245.673)	(163.201.153.899)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	815.897.350.000	65.976.720.000	(264.314.839.987)	154.808.030.857	772.367.260.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/03/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	543.899.990.000	543.899.990.000
Các đối tượng khác	271.997.360.000	271.997.360.000
Cộng	815.897.350.000	815.897.350.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	QI/2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	815.897.350.000	815.897.350.000
- Vốn góp đầu kỳ	815.897.350.000	688.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	127.097.350.000
- Vốn góp cuối kỳ	815.897.350.000	815.897.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		61.992.000.000

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	QI/2020	QI/2019
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	242.671.864.656	286.026.679.696
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng hóa	219.272.709	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	242.452.591.947	286.026.679.696
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	-	-
	242.671.864.656	286.026.679.696
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<u>Trong đó:</u>		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	242.671.864.656	286.026.679.696

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	QI/2020	QI/2019
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	136.445.320	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	243.603.751.358	171.187.784.064
Cộng	243.740.196.678	171.187.784.064

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	QI/2020	QI/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	447.965.833	436.371.827
Doanh thu tài chính khác	49.000	-
Cộng	448.014.833	436.371.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>QI/2020</u>	<u>QI/2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.604.946.789	7.805.475.870
Lỗi chênh lệch tỷ giá	169.700.000	-
Chi phí tài chính khác	554.044	-
Cộng	14.775.200.833	7.805.475.870

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>QI/2020</u>	<u>QI/2019</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	84.385.461.666	49.574.118.961
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	49.005.205	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.477.649	1.442.010.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.058.989.322	6.071.256.035
Chi phí khác bằng tiền	2.808.047.629	3.409.527.691
Cộng	106.350.981.471	60.496.913.124
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	17.739.049.255	14.550.410.155
Chi phí đồ dùng văn phòng	833.760.352	140.426.925
Chi phí khấu hao TSCĐ	449.923.818	594.373.277
Thuế, phí và lệ phí	8.149.818	628.719.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.245.285.707	4.640.234.802
Lợi thế thương mại phân bổ	14.360.004.111	14.360.004.111
Chi phí bằng tiền khác	6.455.523.935	18.652.341
Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	47.383.965.907	34.932.820.704

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và trong lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không phát sinh doanh thu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm hơn 91%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng 9% (nhỏ hơn 10%) tổng doanh thu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2020 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập cho kỳ kế toán từ 1/1/2019 đến 31/3/2019.



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập